TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/ 9 /2018
" V/v Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh
2. Ông Lê Lương Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B** tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Đông- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1583/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/ 7 /2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1990.
Địa chỉ: 15/1C, tổ 13, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 15/1C, tổ 13, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày: Bà và ông Hoàng Đức T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống không hạnh phúc nhất là sau khi ông T bị Tòa án xét xử 03 năm tù thì bà phát hiện ông T từng có người phụ nữ khác và thường xuyên đi thăm nuôi ông T trong trại giam với danh nghĩa là vợ nên bà không thể đi thăm nuôi được do công an thu hồi giấy thăm nuôi của bà. Nay bà xét thấy tình cảm không còn nên làm đơn xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà và ông T có 01 con chung tên Hoàng Thanh V, sinh ngày 04/7/2012. Hiện tại bà đang nuôi con, ly hôn bà xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Hoàng Đức T trình bày: Ông T cũng xác định ông và bà O xây dựng gia đình năm 2011, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống có bất đồng quan điểm sống. Nay bà O có đơn xin ly hôn ông xét thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà O có 01 con chung tên Hoàng Thanh V, sinh ngày 04/7/2012. Hiện tại bà O đang nuôi con và xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, ông đồng ý giao con cho bà O nuôi tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà O và ông T là hôn nhân hợp pháp, bà O có đơn xin ly hôn ông T đồng ý ly hôn và cả hai bên đương sự xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O. Về con chung có 01 con chung Hoàng Thanh V, sinh ngày 04/7/2012. Hiện tại bà O đang nuôi con, ly hôn bà O xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, ông T đồng ý, đề nghị giao con cho bà O nuôi, tài sản chung và nợ chung không có, án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà O và ông T có đơn xin không tham gia hòa giải, công khai chứng cứ và vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 123/2011 quyển số 01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đồng Nai căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân giữa bà O và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà O và ông T xác định quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tin tưởng nhau, tình cảm không còn, bà O xin ly hôn và ông T đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà O và ông T đã thật sự trầm trọng, không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án áp dụng Điều 85, Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà O, giải quyết cho bà O được ly hôn với ông T là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Thanh V, sinh ngày 04/7/2012. Hiện tại bà O đang nuôi con, ly hôn bà O đề nghị được tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, ông T đồng ý giao con cho bà O nuôi tạm thời không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con các đương sự tự nguyện phù hợp quy định pháp luật, nên giao cháu Hoàng Thanh V, sinh ngày 04/7/2012 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà O và ông T khai không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà O và ông T khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà O phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 85, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc O. Cho bà Nguyễn Thị Ngọc O được ly hôn ông Hoàng Đức T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thanh V, sinh ngày 04/7/2012 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Hoàng Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Hoàng Đức T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà O và ông T được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà O và ông T khai không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà O và ông T khai không có, nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà O phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 007831 ngày 22/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà O đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND P. Bửu Long (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)

Hoàng Thị Thu Minh